

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN MÔN TIẾNG VIỆT

I. Kỹ thuật đánh giá thường xuyên trong dạy học môn Tiếng Việt

Để ĐGTX môn Tiếng Việt, GV cần nắm được các chỉ báo, tiêu chí và các mức độ thực hiện từng chỉ báo, tiêu chí ở mỗi kiến thức, kỹ năng cốt lõi thuộc môn học. Trên cơ sở đó dù là sử dụng kỹ thuật quan sát, phân tích và phản hồi, định hướng học tập, trò chơi, hồ sơ học tập, HS ĐG lẫn nhau, tự ĐG của HS ... GV cũng cần căn cứ vào các chỉ báo, tiêu chí và mức độ thực hiện các chỉ báo, tiêu chí để đặt kết quả của HS trên đó mà nhận xét, đưa ra khuyến nghị với HS.

Ví dụ : để đánh giá kỹ năng viết đoạn văn kể hoặc tả ở lớp 2, GV cần biết căn cứ vào những chỉ báo sau :

- Cách viết chữ và trình bày với mức đạt yêu cầu là : có không quá 5 lỗi về chính tả, chữ viết; trình bày đúng mẫu

- Quy trình viết và sản phẩm viết với mức đạt yêu cầu là : biết chọn thông tin cho đoạn viết; biết viết nháp trước khi viết chính thức, biết sửa lỗi theo hướng dẫn; đoạn văn thể hiện ý chính hoặc thông tin cơ bản phù hợp với đầu bài.

- Đoạn văn đúng kiểu loại văn bản (tả, kể, thuyết minh) với mức đạt yêu cầu chẳng hạn với đoạn văn kể lại sự việc là : kể lại một sự việc bản thân đã chứng kiến (nhìn thấy, xem) hoặc tham gia với các chi tiết theo trình tự thời gian; (mức cao hơn là : các câu trong đoạn có nối kết với nhau; biết thể hiện cảm nhận của cá nhân về sự việc đã kể.)

GV cần đối chiếu đoạn văn của HS với từng chỉ báo để xác nhận kết quả của mỗi HS ở từng chỉ báo. Với những chỉ báo HS chưa hoàn thành, GV có thể động viên HS cố gắng thêm, chỉ cho HS thấy chỉ báo nào em chưa hoàn thành, cần làm thế nào để hoàn thành ở chỉ báo đó; hoặc ở một chỉ báo khác HS đã đạt mức hoàn thành rồi thì HS cần làm gì để tăng kết quả lên mức hoàn thành tốt. Dưới đây là một tình huống đánh giá đoạn văn của HS lớp 2 :

1/ Đề bài : Viết đoạn văn khoảng 4 đến 5 câu nói về một cuốn truyện em thích.

2/ *Đoạn văn của HS : Em có cuốn truyện tranh Thánh Gióng. Hình ảnh Thánh Gióng trong truyện rất đẹp. Thánh Gióng cười một con ngựa sắt thét ra lửa. Ngựa phi đến đâu quân giặc chết như ngã rạ. Đánh giặc xong, Thánh Gióng bay về trời.*

3/ *Đánh giá của GV : Chữ viết rõ ràng, ít lỗi chính tả, trình bày bài đúng quy định. Các câu nêu đúng các ý theo yêu cầu, có kết nối câu. Nên nêu thêm cảm nhận của em về cuốn sách.*

Dưới đây là một số ví dụ về kỹ thuật ĐGTX trong môn Tiếng Việt. Mỗi kỹ thuật có điểm mạnh và điểm hạn chế, do đó nó phù hợp và phát huy hiệu quả ở từng hoạt động dạy học, ở từng nội dung dạy học. Việc chọn kỹ thuật nào để ĐGTX tùy thuộc vào GV.

1. Kỹ thuật quan sát, phân tích và phản hồi

* Ví dụ 1: ở nội dung học tập “Nói lời khen ngợi” (Tiếng Việt 2, tuần 16), sau bài học, HS phải biết nói lời khen ngợi phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp. GV có thể cho HS gặp thăm và thực hiện yêu cầu trong phiếu như sau:

Phiếu 1

Em thấy mẹ em trẻ hơn khi mặc một chiếc áo mới, em sẽ nói với mẹ như thế nào ?

Phiếu 2

Em thấy anh (hoặc chị, hoặc em) của em được điểm 10 môn Toán , em sẽ nói lời khen thế nào ?

Phiếu 3

Em thấy một em nhỏ khoảng 4 – 5 gặp em trên đường đã chào em, em sẽ nói với em bé thế nào ?

Cách thực hiện : GV cho từng HS bốc thăm và được suy nghĩ trong 30 giây hoặc 1 phút rồi trình bày miệng. Dựa vào nội dung câu trả lời và lời lẽ diễn đạt

cùng mức độ mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp, GV đánh giá kỹ năng thể hiện sự cảm thông của từng HS theo các mức :

- Khá - tốt : Nói được lời khen đúng tình huống, đúng vai, làm người khen cảm thấy vui ; biết kết hợp thể hiện thái độ khen ngợi qua cử chỉ, vẻ mặt, giọng nói khi nói.

- Đạt yêu cầu : Nói được lời khen ; chưa biết kết hợp biểu lộ thái độ khen ngợi qua cử chỉ, vẻ mặt, giọng nói khi nói.

- Chưa đạt yêu cầu : Nội dung câu trả lời chưa thể hiện được lời khen ; nói năng rụt rè, ấp úng, thiếu tự tin.

* Ví dụ 2: Phân môn Tập đọc (Bài : “Có công mài sắt, có ngày nên kim”, lớp 2)

- Có thể nhận xét HS đạt yêu cầu (đối với kỹ năng đọc thành tiếng) như sau: Em đọc đúng, rõ ràng toàn bài, ngắt nghỉ hợp lý.

- Có thể nhận xét HS cần cố gắng hơn như sau: Em đã đọc to hơn. Nhưng các từ “quyên, nguệch ngoạc” em còn phát âm chưa đúng, em nghe thầy/cô (hoặc bạn) đọc những từ ngữ này rồi em đọc lại cho đúng.

* Ví dụ 3: Phân môn Tập viết (Bài “Chữ hoa A” , lớp 2)

- Có thể nhận xét HS đạt yêu cầu như sau : Cô khen em đã viết đúng và đẹp chữ A hoa.

- Có thể nhận xét HS cần cố gắng hơn như sau: Em chú ý lượn nét đầu tiên của chữ A hoa tròn hơn, gần giống với nét móc ngược trái thì chữ sẽ đẹp hơn.

* Ví dụ 4: Phân môn Kể chuyện (Bài “Ai có lỗi” , lớp 3)

- Có thể nhận xét HS viết đạt yêu cầu (kể được từng đoạn của câu chuyện) như sau: Em đã biết dựa vào tranh và lời gợi ý, tập trung theo dõi bạn kể để kể được đúng, rõ ràng đoạn 1 của câu chuyện.

- Có thể nhận xét HS cần cố gắng hơn (chưa kể được từng đoạn của câu chuyện) như sau: Em đã cố gắng kể chuyện nhưng em có thể kể tốt hơn nếu em đọc lại câu chuyện, sau đó quan sát tranh vẽ và đọc lời gợi ý dưới tranh để kể lại.

Bên cạnh đó, kết quả / sản phẩm học tập dưới dạng viết là sản phẩm phổ biến của HS ở môn Tiếng Việt. Sản phẩm viết có thể là viết chữ (Tập viết, Chính tả) ; trả lời câu hỏi, viết bài thu hoạch sau mỗi bài học; ghi chép kết quả làm bài tập

về từ vựng, ngữ pháp ; viết câu văn, đoạn văn, bài văn kể chuyện, miêu tả ; viết một số văn bản thông thường (tin nhắn, báo cáo, đơn, thư,...)...

Ví dụ 6 : sau khi đọc bài Tập đọc “Văn hay chữ tốt” (Tiếng Việt 4, tuần 13), GV có thể yêu cầu HS viết câu trả lời cho các câu hỏi dưới đây:

LIÊN HỆ BẢN THÂN

1. Em tự đánh giá ưu điểm, nhược điểm của bản thân mình.

.....
.....
.....
.....

2. Hãy đặt mục tiêu phấn đấu khắc phục nhược điểm của mình và lập kế hoạch thực hiện.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Cách thực hiện :GV có thể yêu cầu HS viết câu trả lời vào cuối giờ học hoặc cho HS làm ở nhà rồi nộp lại cho GV.Dựa vào câu trả lời của từng HS, GV đánh giá bằng nhận xét theo tiêu chí xếp loại như sau :

- *Nhận xét HS là người tỏ nghiêm túc, chân thực và có ý thức phấn đấu khi :*

+ Câu 1 : Tự nhận thức đúng bản thân (nêu khá đầy đủ các ưu, nhược điểm của bản thân).

+ Câu 2 : Nêu rõ được mục tiêu phấn đấu của bản thân và được lập kế hoạch khắc phục nhược điểm của mình với các biện pháp cụ thể, khả thi.

- *Nhận xét HS bước đầu tỏ ra nghiêm túc và có ý thức phấn đấu khi :*

+ Câu 1 : Tự nhận thức tương đối đúng về bản thân (nêu chưa hết ưu, nhược điểm của bản thân).

+ Câu 2 : Nêu được mục tiêu phấn đấu của bản thân nhưng chưa lập được kế hoạch khắc phục nhược điểm của mình một cách cụ thể, khả thi.

- *Nhận xét HS ý thức phấn chưa thật cao khi :*

+ Câu 1 : Chưa nêu rõ ưu, nhược điểm của bản thân.

+ Câu 2 : Nêu chưa rõ mục tiêu phấn đấu của bản thân và chưa lập được kế hoạch khắc phục nhược điểm của mình.

2. Kỹ thuật vấn đáp

Ví dụ, ở bài *Luyện tập giới thiệu địa phương* (Tiếng Việt lớp 4, tuần 19), HS phải đạt được 3 yêu cầu sau :

- Hiểu được *cách thức* chuẩn bị và trình bày bài giới thiệu địa phương;

- Trình bày được bài giới thiệu địa phương trước tập thể lớp;

- Có thái độ trân trọng, yêu quý quê hương.

Để tạo được hứng thú học tập và để phát huy tính tích cực của HS, GV có thể nêu lần lượt các câu hỏi để HS bộc lộ những trải nghiệm của bản thân về những điều liên quan đến nội dung bài học :

(1) Em đã bao giờ kể với ai về quê hương hoặc nơi mình đang sinh sống chưa ?

(2) Em đã kể những gì về quê hương (hoặc nơi mình đang sinh sống)?

(3) Em đã kể cho 1 người /một vài người hay kể cho nhiều người cùng nghe?

(4) Theo em, khi kể về quê hương hoặc nơi mình sinh sống,, nên kể những điều gì?

(5) Làm thế nào để lời kể của mình thu hút được người nghe ?

Lắng nghe câu trả lời của HS, GV đánh giá kiến thức – kỹ năng HS đã có, từ đó động viên HS phát huy vốn hiểu biết vào việc học bài mới. Các câu hỏi cần được biên soạn nghiêm túc để có thể đánh giá được năng lực HS. Các câu trả lời của HS giúp GV kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với từng nhóm HS hoặc từng HS.

3. Kỹ thuật định hướng học tập

Ví dụ 1: Trước khi học về câu ghép, GV cần dùng một bảng kiểm để đánh giá những hiểu biết của HS về câu nói chung, về câu đơn và dự đoán về câu ghép.

| | Đúng | Sai |
|---|------|-----|
| 1. Câu dùng để nêu một sự việc | | |
| 2. Câu dùng để nêu nhiều sự việc | | |
| 3. Câu cần có chủ ngữ và vị ngữ | | |
| 4. Câu nêu một sự việc cần có 1 cặp chủ ngữ và vị ngữ | | |
| 5. Câu nêu nhiều sự việc có liên quan với nhau cần có nhiều cặp chủ ngữ và vị ngữ | | |

Ví dụ 2 : Trước khi học về chỉ báo đọc hiểu văn bản **Biết rút ra bài học cho bản thân từ văn bản đọc là văn bản thông tin**, GV cần dùng bảng kiểm gồm những câu hỏi thăm dò ý kiến của HS như sau :

| | Đồng ý | Không đồng ý |
|--|--------|--------------|
| 1. Mỗi bài đọc về khoa học mang lại cho em một hiểu biết mới | | |
| 2. Khi đọc bài khoa học em có mong muốn thực hiện những điều được nói đến trong bài | | |
| 3. Khi đọc bài khoa học em có thể chọn những điều học được trong bài để thực hiện trong đời sống | | |

4. Kỹ thuật hồ sơ học tập

Ví dụ : tập hợp 4 bài viết của HS ở nửa học kỳ I cho thấy :

- Độ dài bài viết tăng lên (số đoạn trong phần thân bài nhiều hơn : từ 1 đoạn phát triển thành 3 đoạn)

- Chủ đề của mỗi đoạn trong bài viết từ mức chưa được thể hiện bằng câu chủ đề đến mức đã được thể hiện bằng câu chủ đề

- Lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi kết nối câu đã giảm dần.

Hồ sơ học tập cũng được dùng để đánh giá những dự án nhỏ do nhóm HS thực hiện. Ví dụ một nhóm HS lớp 3 thực hiện một dự án nhỏ *Truyền thông về Bảo vệ môi trường thiên nhiên* trong môn Tiếng Việt. Trong dự án này HS phân công mỗi em làm một công việc cụ thể :

- Suu tầm một số bài viết, hình ảnh về vẻ đẹp của thiên nhiên

- Suu tầm một số bài viết, hình ảnh về những hoạt động bảo vệ cảnh quan thiên nhiên (bảo vệ cây và rừng, làm sách đẹp các thắng cảnh ...)

- Thuyết trình về những tư liệu đã suu tầm

- Viết một số bài về hoạt động bảo vệ môi trường của học sinh ở trường học, địa phương

GV có thể căn cứ trên những nhiệm vụ mỗi cá nhân trong nhóm thực hiện để xác nhận kết quả của dự án ở 2 phương diện : sự tham gia hoạt động và hợp tác của các thành viên trong nhóm, mức độ đạt được ở từng nhiệm vụ. Chẳng hạn GV đánh giá kết quả dự án do nhóm HS nói trên thực hiện như sau :

- Dự án đã có sự tham gia của các thành viên nên đã nêu khá đầy đủ những nội dung về thiên nhiên và ích lợi của thiên nhiên, những hoạt động bảo vệ môi trường thiên nhiên của con người, của học sinh ở trường và ở địa phương chúng ta góp phần bảo vệ môi trường thiên nhiên. Tư liệu suu tầm phong phú, bài thuyết trình đã rõ từng phần việc. Một số bài viết chân thực.

- Nên suu tầm thêm để bổ sung một số hình ảnh về hoạt động bảo vệ thiên nhiên của con người. Khi thuyết trình, sau mỗi phần nên dừng lại để người nghe có thể trao đổi lại. Có 2 bài viết còn sơ sài do chưa nêu cảm nhận của người viết về hoạt động bảo vệ môi trường của HS.

5. Kỹ thuật học sinh đánh giá nhau

Ví dụ 1 : Muốn HS đánh giá bài đọc thành tiếng của bạn, GV có thể hỏi :

- Em có nghe rõ bạn đọc không? (chỉ báo về âm lượng)

- Em thấy bạn đọc chưa đúng những từ nào? (chỉ báo về đọc đúng)

- *Bạn đã ngắt hơi ở câu dài chúng ta vừa luyện đọc chưa? (chỉ báo về đọc tron)*

- *Bạn đọc vừa hay chậm? (chỉ báo về tốc độ)*

Ví dụ 2 : Muốn HS đánh giá đoạn văn bạn viết, GV có thể hỏi :

- *Đoạn văn có đủ số câu theo yêu cầu không?*

- *Những câu trong đoạn có nêu đúng ý đầu bài yêu cầu không?*

- *Đoạn văn có câu nào hoặc ý nào hay?*

- *Đoạn văn có câu nào viết sai, từ nào dùng chưa đúng, từ nào viết sai chính tả?*

Bên cạnh việc gợi ý bằng câu hỏi cho HS làm chủ thể đánh giá bạn, GV cũng có thể dùng bảng kiểm để HS đánh dấu vào bảng những kết quả mà bạn em đạt được trong bài làm.

Ví dụ 3 : GV có thể chuyển những câu hỏi gợi ý ở ví dụ 2 nói trên thành một bảng kiểm cung cấp cho HS để HS đánh giá đoạn văn của bạn :

Ý kiến về đoạn văn của bạn ...

| | <i>Đúng</i> | <i>Không đúng</i> |
|--|-------------|-------------------|
| <i>1. Đoạn văn có từ 5 câu trở lên</i> | | |
| <i>2. Tất cả các câu đều nêu đúng ý đầu bài yêu cầu</i> | | |
| <i>3. Có câu hay hoặc có ý hay</i> | | |
| <i>4. Có từ 4 lỗi trở lên về đặt câu, dùng từ, viết chính tả</i> | | |

II. Ví dụ minh họa đánh giá thường xuyên trong quá trình dạy học môn Tiếng Việt

1. Tập đọc – Nhà ảo thuật (Tuần 23 – Lớp 3)

** GV xác định rõ mức độ, yêu cầu cần đạt của bài tập đọc:*

- *Đọc đúng, rành mạch, biết nghỉ hơi hợp lý sau dấu chấm, dấu phẩy và giữa các cụm từ.*

- Hiểu nội dung câu chuyện : Khen ngợi hai chị em Xô-phi là những em bé ngoan, sẵn sàng giúp đỡ người khác. Chú Lí là người tài ba, nhân hậu, rất yêu quý trẻ em (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

** Tổ chức các hoạt động dạy học (kết hợp đánh giá HS):*

- *Hoạt động luyện đọc thành tiếng :*

+ GV đọc toàn bài.

+ Hướng dẫn HS luyện đọc kết hợp giải nghĩa từ.

GV nhận xét cụ thể HS về kĩ năng đọc thành tiếng và hướng dẫn HS nhận xét, góp ý cho nhau dựa trên các yêu cầu về : âm lượng (độ to/nhỏ), tốc độ (nhanh/chậm), độ chính xác (mắc lỗi/không mắc lỗi), độ lưu loát (đọc liền mạch/không liền mạch)...

Ví dụ : Có thể nhận xét HS cần cố gắng hơn như sau:” Em đã đọc to, rõ ràng. Tuy nhiên, các từ “lĩnh kính, biểu diễn” em còn phát âm chưa đúng, em nghe thầy/cô (hoặc bạn) đọc những từ ngữ này rồi em đọc lại cho đúng”.

- *Hoạt động luyện đọc hiểu :*

HS lần lượt trả lời các câu hỏi. Tùy theo cách tổ chức hoạt động (cá nhân, cặp, nhóm), GV có cách nhận xét, hỗ trợ, kiểm soát kết quả học tập của HS cho phù hợp.

Ví dụ : HS chưa trả lời được câu hỏi 1 (“Vì sao chị em Xô-phi không đi xem ảo thuật ?”), GV có thể động viên, hướng dẫn HS : “Em hãy đọc đoạn 1, chú ý câu cuối đoạn để trả lời câu hỏi”.

2. Chính tả - Tiết 2 (Tuần 23 - lớp 2):

** GV xác định rõ mức độ, yêu cầu cần đạt của bài chính tả:*

- Nghe viết chính xác bài chính tả, trình bày đúng đoạn tóm tắt bài Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên.

- Làm đúng các bài tập phân biệt âm/vần dễ lẫn (l/n hoặc ươc/ươt) hoặc bài tập chính tả phương ngữ do GV soạn.

** Tổ chức các hoạt động dạy học :*

- *Đối với bài chính tả tập chép (“Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên”):*

+ GV hướng dẫn HS chuẩn bị viết bài chính tả (cách viết hoa tên riêng, viết các chữ có âm vần khó hoặc dễ lẫn).

+ GV đọc cho HS viết bài vào vở.

+ HS làm việc theo cặp : GV hướng dẫn HS (nếu HS chưa biết) cách đọc lại bài chính tả và soát lỗi giúp bạn. Nếu phát hiện bạn còn mắc lỗi chính tả, có thể gạch chân các chữ viết sai chính tả bằng bút chì rồi nhắc bạn viết lại các chữ đó cho đúng bằng cách viết ra ngoài lề vở hoặc viết lại dưới bài chính tả.

+ GV nhận xét, chữa bài cho HS về nội dung, chữ viết, cách trình bày:

GV nên nhận xét cụ thể vào bài viết của HS về chữ viết, tốc độ viết, số lỗi chính tả (nếu có), cách trình bày bài viết,...

Ví dụ 2: Dưới đây là một đoạn văn thể hiện kết quả tập chép đoạn văn của HS và những chỗ GV đánh dấu để HS biết chỗ cần sửa :

Hàng năm, cứ đến mùa suân, đồng bào ê-đê, mơ-nông lại tung bừng mở hội đua voi. Hàng trăm con voi rục rịch kéo đến. Mặt trời chưa mọc, từ các bôn, bà con đã lờm lượ đồ ra. Các chị mặc những chiếc váy thêu rục rờ, cổ đeo vòng bạc...

- Chữ viết sai chính tả:.....

- Sửa lại:.....

GV cũng có thể viết dưới bài làm của HS lời nhận xét: “*Em viết đẹp, trình bày sạch sẽ. Cần chú ý viết hoa tên riêng và viết đúng một số từ ngữ trong bài*”.

Lưu ý : Đối với những HS viết chậm, viết còn mắc nhiều lỗi chính tả, GV cần dành thêm thời gian cho HS luyện tập thêm bằng cách yêu cầu HS viết lại bài chính tả hoặc ra bài tập chính tả khác cho HS viết.

- *Đối với bài tập chính tả âm vần (GV có thể lựa chọn sử dụng bài tập trong sách giáo khoa hoặc tự ra bài tập cho phù hợp với yêu cầu khắc phục lỗi chính tả của HS địa phương mình):*

+ HS làm bài theo cá nhân. Có thể làm vào vở hoặc làm bài trên phiếu bài tập.

+ HS làm việc theo cặp: GV hướng dẫn HS (nếu HS chưa biết) cách nhận xét, góp ý bài tập cho nhau. Có thể quy ước rằng nếu bạn làm đúng thì ghi bằng bút chì chữ “Đ”, nếu bạn làm sai thì ghi chữ “S” và nhắc bạn sửa lại cho đúng.

+ HS làm việc theo nhóm/cả lớp : HS có thể trình bày kết quả trong nhóm, cùng nhận xét, góp ý cho nhau. GV cũng có thể mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, cả lớp cùng nhận xét, thống nhất kết quả đúng.

Lưu ý : GV nhận xét thông qua sản phẩm là bài tập HS đã làm : đúng hay không đúng yêu cầu, lỗi cần sửa. GV có thể quy ước với HS cách nhận xét, góp ý (nếu đúng, GV ghi bằng bút đỏ chữ “Đ”, nếu sai ghi chữ “S”).

3. Bài soạn minh họa

Tập làm văn

LUYỆN TẬP GIỚI THIỆU ĐỊA PHƯƠNG

(1 tiết) (Tiếng Việt 4 – tuần 20)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS có khả năng:

1. Hiểu được *cách thức* chuẩn bị và trình bày bài giới thiệu địa phương.
2. Trình bày được bài giới thiệu địa phương trước tập thể lớp.
3. Có thái độ trân trọng, yêu quý quê hương.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

Khuyến khích HS mang đến lớp:

1. Tranh, ảnh về cảnh vật và đời sống của một số địa phương.
2. Sách, truyện, tư liệu (các đoạn / bài giới thiệu một số địa phương).

Khuyến khích HS xem trước băng video giới thiệu một địa phương.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

3.1. Hoạt động 1: Khởi động

- GV nêu lần lượt các câu hỏi để HS phát biểu ý kiến (hoặc ghi câu hỏi 4 và 5 lên bảng để HS hỏi – đáp theo cặp / theo nhóm).

(1) Em đã bao giờ kể với ai về quê hương hoặc nơi mình đang sinh sống chưa ?

(2) Em đã kể những gì về quê hương (hoặc nơi mình đang sinh sống)?

(3) Em đã kể cho một người / một vài người hay kể cho nhiều người cùng nghe?

(4) Theo em, khi kể về quê hương hoặc nơi mình sinh sống, nên kể về những điều gì?

Hướng dẫn ĐGTX:

Dựa vào câu trả lời của HS, GV nhận xét / đánh giá như sau :

- GV khen ngợi các em trả lời tốt câu hỏi 4 (khi câu trả lời của các em nêu được một số ý như : kể về cảnh vật của quê hương, kể về những người thân / người dân sống ở quê hương, kể về các hoạt động, nghề truyền thống ở quê hương, kể về các món ăn đặc biệt ở quê hương,...)

- GV động viên những em chưa có câu trả lời hoặc câu trả lời có nội dung sơ sài, nhắc các em tập trung chú ý để học cách giới thiệu về quê hương.

3.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu cách giới thiệu những đổi mới của quê hương

- GV nêu nhiệm vụ của HS trong tiết học là đọc bài *Nét mới ở Vĩnh Sơn* (sách *Tiếng Việt 4* tập 2 trang 19) để nhận biết, học tập cách giới thiệu về những *đổi mới* của một địa phương.

- Sau khi HS đọc bài (làm việc cá nhân), GV lần lượt nêu các câu hỏi để HS (hoặc nhóm) trả lời.

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
|---|--|
| GV nêu các câu hỏi: (1) Bài văn giới thiệu những đổi mới của địa phương nào? | HS trả lời câu hỏi: → <i>Giới thiệu về Vĩnh Sơn – một xã miền núi thuộc huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.</i> |
| (2) Tác giả đã giới thiệu những gì về Vĩnh Sơn? | → <i>Kể về những đổi mới của Vĩnh Sơn, đó là: + Người dân Vĩnh Sơn trước chỉ quen phát rẫy</i> |

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
|---|--|
| | <p><i>làm nương, nay đây mai đó; giờ đã biết trồng lúa nước, chăn nuôi, cuộc sống ổn định.</i></p> <p>+ <i>Nghề nuôi cá phát triển, sản lượng 2 tấn rươi / năm.</i></p> <p>+ <i>Đời sống nhân dân được cải thiện; số HS đến trường tăng.</i></p> |
| (3) Cách giới thiệu địa phương của bài văn có gì giống và khác những điều em đã từng kể, từng giới thiệu về địa phương? | → <i>Bài văn tập trung nêu những nét <u>đổi mới</u> của địa phương.</i> |

Hướng dẫn ĐGTX :

- GV nêu câu hỏi : Bài giới thiệu những đổi mới của địa phương cần phải đạt những yêu cầu gì ?

- HS trả lời miệng hoặc viết câu trả lời của mình. GV đánh giá câu trả lời của HS bằng bảng kiểm, ví dụ :

| TT | Yêu cầu | Có | Không |
|----|--|----|-------|
| 1 | Giới thiệu tên địa phương | | |
| 2 | Địa phương đổi mới ở những mặt nào ? | | |
| 3 | So sánh với trước đây để làm nổi bật điểm đổi mới. | | |
| 4 | Nêu nguyên nhân và những tác động của sự đổi mới | | |
| 5 | Phát biểu cảm nghĩ về sự đổi mới của quê hương | | |

3. Hoạt động 3 : Luyện tập giới thiệu địa phương

- GV hướng dẫn HS cách lựa chọn địa phương để giới thiệu:

+ Có thể giới thiệu những nét đổi mới ở quê hương hay ở ngay xóm làng, phố phường nơi em ở.

+ Trong trường hợp không tìm được những nét đổi mới ở địa phương, có thể chỉ giới thiệu hiện trạng của địa phương và nêu mơ ước của em về những đổi mới của quê hương.

+ Trước khi trình bày trước nhóm hoặc trước lớp, cần xây dựng đề cương, dàn ý chi tiết cho bài giới thiệu địa phương của mình.

- GV yêu cầu HS thực hiện BT2 theo các bước sau:

- *Bước 1*: Xây dựng nội dung bài giới thiệu.

+ Thu thập thông tin (tìm trong sách báo, tranh ảnh... mang theo; hỏi GV;...).

+ Lựa chọn, phân loại và sắp xếp thông tin theo từng nét đổi mới của địa phương).

- *Bước 2*: Thực hành giới thiệu trong nhóm – Trao đổi, rút kinh nghiệm trong nhóm.

- *Bước 3*: Đóng vai – giới thiệu về địa phương trong một tình huống cụ thể - Trao đổi, rút kinh nghiệm trước cả lớp.

(GV có thể gợi ý một số tình huống:

+ Gia đình em có khách từ địa phương khác đến chơi, họ muốn biết rõ hơn về nơi em sinh sống. Em sẽ giới thiệu về địa phương em như thế nào với khách.

+ Nghỉ hè, em có dịp về thăm quê, em hãy giới thiệu cho các bạn nơi đó về nơi em đang sống.

+ Em vừa được đi tham quan một địa phương, em kể lại cho các bạn trong lớp nghe về nơi đó.. v.v...)

Hướng dẫn ĐGTX :

GV có thể đánh giá kỹ năng giới thiệu về địa phương trong nhóm và trước lớp theo các tiêu chí được xác định như sau :

| TT | Tiêu chí | Nhận xét mức độ đạt được |
|-----------|--|---------------------------------|
| 1 | Có nêu được tên địa phương được giới thiệu không ? | |

| | | |
|---|--|--|
| 2 | Nội dung bài : + Có giới thiệu có nêu được các nét đổi mới của địa phương (so sánh với tình hình trước đây) không ? + Có nêu nguyên nhân và tác động của những đổi mới ở địa phương ? + Có phát biểu cảm nghĩ về sự đổi mới của quê hương | |
| 3 | Bố cục : Cách sắp xếp ý có rõ ràng, mạch lạc không ? | |
| 4 | Diễn đạt có lưu loát, gãy gọn không ? | |
| 5 | Nếu trình bày trước lớp, có mạnh dạn, tự tin, thể hiện được tình cảm với địa phương qua lời lẽ, giọng nói,... không? | |

GV cần căn cứ vào kết quả quan sát, nghe (hoặc ghi chép) kết quả của HS theo các tiêu chí trên đây để đưa ra nhận xét từng HS theo các mức :

+ *Xếp loại tốt* : Trình bày đúng yêu cầu một bài giới thiệu địa phương ; giới thiệu rõ các nét đổi mới của địa phương (có minh chứng cụ thể) ; sắp xếp ý mạch lạc ; diễn đạt lưu loát, gãy gọn ; mạnh dạn, tự tin khi trình bày, thể hiện được tình cảm với địa phương qua lời lẽ, giọng nói,...

+ *Đạt yêu cầu* : Trình bày đúng yêu cầu cơ bản của bài giới thiệu địa phương; giới thiệu được một vài nét đổi mới của địa phương nhưng còn sơ sài, thiếu minh chứng cụ thể ; sắp xếp ý tương đối mạch lạc ; diễn đạt rõ ý song chưa thật lưu loát ; chưa thật mạnh dạn, tự tin khi trình bày ; bước đầu thể hiện được tình cảm với địa phương qua lời lẽ, giọng nói,...

+ *Chưa đạt* : Chưa biết trình bày một bài giới thiệu địa phương ; mới giới thiệu được một vài đặc điểm của địa phương mà chưa làm rõ được những nét đổi mới, thiếu dẫn chứng minh họa ; sắp xếp ý chưa mạch lạc ; diễn đạt chưa lưu loát, chưa sáng ý ; chưa mạnh dạn, tự tin khi trình bày ; chưa biết cách thể hiện tình cảm với địa phương qua giọng nói, nét mặt,...

Đánh giá năng lực và phẩm chất :

+ GV có thể kết hợp đánh giá năng lực hợp tác qua việc HS trao đổi, nhận xét, góp ý về kết quả học tập với bạn; thực hiện các nhiệm vụ được phân công với bạn;...

+ GV có thể kết hợp đánh giá năng lực giải quyết vấn đề qua việc quan sát xem HS có biết ghi nhớ nhiệm vụ và kết quả cần đạt trong học tập.

IV. Hoạt động vận dụng

GV cho HS được tự lựa chọn một trong các cách làm sau đây:

- Kể cho người thân nghe về một địa phương mà em mới biết qua lời giới thiệu của bạn trong tiết học.

- Viết giới thiệu về một vùng quê.

- Suu tầm tư liệu và trình bày trên tờ giấy khổ lớn các tư liệu sưu tầm được về một địa phương.

III. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý VỀ QUY TRÌNH VÀ CÁC YÊU CẦU GIÁO VIÊN CẦN THỰC HIỆN TRONG ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN MÔN TIẾNG VIỆT

1.Xác định được mẫu chuẩn đầu ra (kết quả mong đợi) của mỗi hoạt động trong giờ học Tiếng Việt

Mẫu chính là cái chúng ta muốn có ở học sinh, đó chính là cái đích, mẫu hình lí tưởng của những sản phẩm tiếng Việt mà mỗi giờ học, mỗi nhiệm vụ giao cho học sinh trong giờ học hướng tới. Khi soạn bài, người giáo viên phải hình dung rất rõ sản phẩm mẫu của mỗi hành động dạy học, của toàn giờ học sẽ đạt được ở học sinh: một bài chính tả được viết đúng chuẩn, không mắc lỗi, đẹp như thế nào, một bài tập đọc được đọc lên với âm thanh, giọng điệu ra sao, cần phải hiểu nội dung của nó như thế nào, một bài tập làm văn được viết với những chữ cụ thể ra sao v.v... Trước giờ dạy, những mẫu hình này chưa có ở học sinh nhưng đã được hình dung rất rõ trong bài soạn, trong ý thức của thầy giáo. Ngay khi xác định mục tiêu giờ dạy, giáo viên phải biết rõ khi giờ dạy kết thúc, học sinh có được những kĩ năng tiếng Việt gì, phải dự tính được có thể kiểm tra những kĩ năng này bằng phép đo nào. Nghĩa là *cái chúng ta muốn - mục tiêu dạy học* - phải được xác định một cách thật tường minh, có thể định lượng được, quan sát được, đo đếm được. Nếu

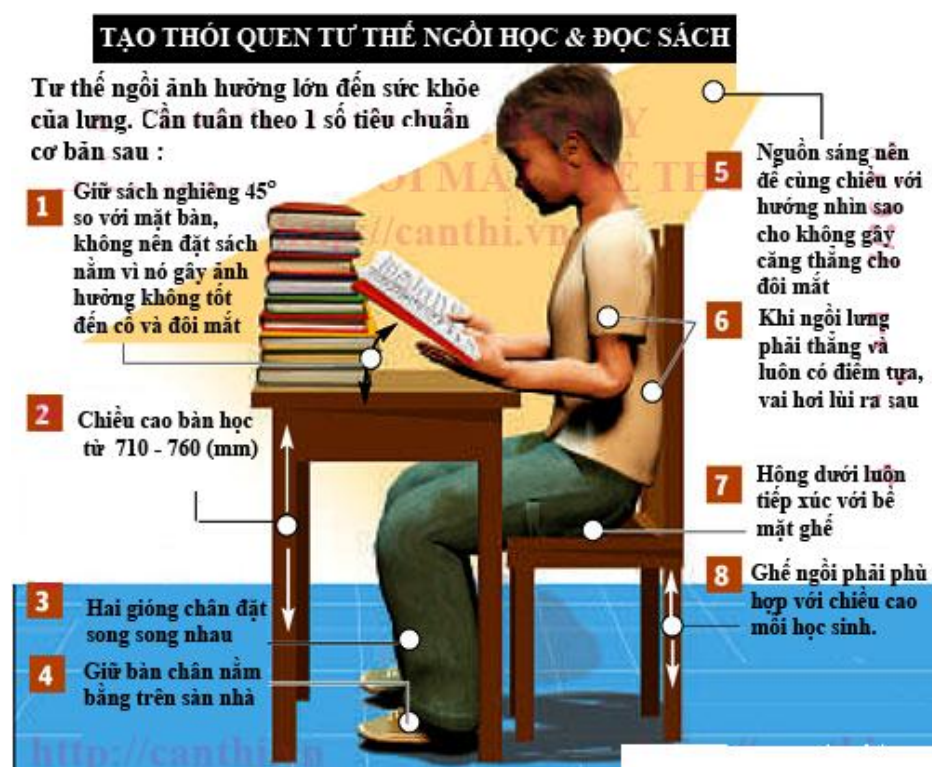
không có mẫu hình này, giáo viên sẽ như người đi đường không có hướng và không biết dẫn dắt học sinh đi đến đâu, bằng cách nào.

Chuẩn này cần được xây dựng thành các chỉ báo để có thể quan sát, đối chiếu, đánh giá được.

Sau đây là một số chỉ báo:

1) Chỉ báo tư thế ngồi đọc (Lớp 1)

Chỉ báo tư thế ngồi đọc là căn cứ để chỉ dẫn tư thế ngồi đọc đồng thời là căn cứ để kiểm tra HS, trong đó tiêu chuẩn 2, 8 thuộc nhiệm vụ của trường học. 6 tiêu chuẩn còn lại HS cần thực hiện. Phương pháp thực hiện: thực hành theo mẫu.



2) Chỉ báo đọc thành tiếng (Lớp 1)

- Đọc từ tròn rõ, đúng âm vần/ tiếng.
- Không bỏ sót từ/ tiếng.
- Không thay từ/ tiếng làm sai nghĩa.
- Tốc độ đọc 15 chữ/1 phút.

3) Chỉ báo hiểu nghĩa biểu vật của từ (Lớp 1)

Học sinh có thể tạo sự tương ứng giữa vật thật (hoặc tranh ảnh) đại diện cho nghĩa của từ và từ (tên gọi).

4) Chỉ báo trong dạy viết chữ (từ lớp 2)

| PHƯƠNG DIỆN | BIỂU HIỆN |
|------------------|--|
| Kĩ năng | <ul style="list-style-type: none"> - Hình dạng chữ, nét rõ ràng, thích hợp. - Hình dạng số rõ ràng, thích hợp. - Độ cao và cỡ chữ thích hợp. - Thể hiện khoảng cách đều đặn giữa các chữ. - Bắt đầu câu bằng chữ viết hoa. - Kết thúc câu bằng dấu chấm. - Tốc độ viết đủ nhanh để học tập. |
| Phẩm chất | <ul style="list-style-type: none"> - Cần thận, kiên trì, khi viết chữ. - Cảm giác thích thú khi tạo chữ. - Có khả năng nhận biết sự cân đối, đều đặn của chữ. - Bài viết/ chữ viết gọn gàng. - Giữ gìn tập viết sạch. |

5) Chỉ báo viết chính tả (từ lớp 2)

| PHƯƠNG DIỆN | BIỂU HIỆN |
|----------------|---|
| Kĩ năng | <ul style="list-style-type: none"> - Nghe hoặc tự viết đúng các từ chứa hiện tượng chính tả đang học. - Lưu tâm phát âm tròn rõ tiếng để có hình dung ra chữ viết dễ dàng. - Dựa vào sự tương hợp âm để phỏng đoán từ cần viết. - Dựa vào ngữ cảnh, nghĩa để xác định mặt chữ của từ. - Có ý thức phân biệt các cặp âm vần, dấu thanh dễ lẫn do phát âm địa phương (it/ich, im/iêm, an/ang, ac/at. r/gi/d...) - Nhận ra lỗi sai chính tả và tự sửa chữa. - Có thói quen tự cân nhắc, xem xét lỗi chính tả sau khi viết. - Trình bày văn bản phù hợp yêu cầu chính tả: đặt tiêu đề ở giữa bài, câu đầu tiên của đoạn thụt vào đầu dòng, viết dòng thơ, khổ thơ, viết lời nói trực tiếp của nhân vật. |

6) Chỉ báo dạy nói (từ lớp 2)

| PHƯƠNG DIỆN | | BIỂU HIỆN |
|-------------------------|------------------------------|--|
| Thể nói | Giọng nói | - Nói đủ to, rõ cho người nghe nghe rõ. |
| | Giao tiếp qua ánh mắt | - Nhìn khán giả trong lúc nói. - Khán giả có thể nhìn thấy mắt người nói |
| | Sự trôi chảy | - Nói với tốc độ đủ để người nghe hiểu được. - Nói tròn câu, dễ hiểu. - Nói liền mạch không bỏ từ, không vấp. - Nói có cấu trúc ba phần rõ ràng: giới thiệu, trình bày, chi tiết, kết luận. |
| | Hành động | - Thực hiện nghi thức giao tiếp: chào xung hô, cảm ơn,...ở phần mở đầu và kết thúc. - Bước đầu biết dùng ngữ điệu để diễn tả ý tưởng. - Tỏ ra nhiệt tình/say sưa với câu chuyện/nội dung nói. |
| Nội dung ý tưởng | | - Đề tài rõ ràng. Nội dung nói bám sát đề tài. - Sử dụng chi tiết gợi tả làm cho người nghe hình dung điều đang được nói. - Nội dung/câu chuyện dễ theo dõi, sự kiện/ý tưởng diễn đạt theo trình tự. |

7) Chỉ báo dạy kể chuyện (Lớp 3)

Đánh giá bằng bảng sau (Dùng cho cả giáo viên và cho học sinh tự đánh giá)

| Họ tên... | CHT | HT | HTT |
|---|-----|----|-----|
| Ngày... | | | |
| Kĩ năng kể chuyện | | | |
| Giọng nói, tư thế | | | |
| -Em nói đủ lớn | | | |
| -Em hướng vào người nói và không nhìn vào sách, bài chuẩn | | | |

| | | | |
|---|--|--|--|
| bị | | | |
| -Liên lạc bằng ánh mắt -Em nhìn vào người nghe -Người nghe có thể nhìn thấy mắt em | | | |
| Sự trôi chảy -Em nói với tốc độ vừa phải để người nghe hiểu kịp nhưng không quá chậm -Em nói liền mạch, không bỏ từ, không lặp, vấp | | | |
| Hành động -Em dùng đúng ngữ điệu và say sưa với câu chuyện mình kể -Em đã thay đổi giọng điệu phù hợp với nhân vật/nội dung kể - Em đã tìm cách để lôi cuốn người nghe | | | |

- Em cần làm gì để kể tốt hơn:....

- Xếp loại:...

8) Chỉ báo (có xác định mức độ) trong dạy đọc hiểu với những câu hỏi/bài tập mở, ví dụ ở lớp 4 bài *Mẹ ốm*

Bốn câu thơ sau cho ta biết điều gì?

Lá trầu khô giữa cối trầu

Chuyện Kiều gấp lại trên đầu bấy nay

Cánh màn khép lỏng cả ngày

Ruộng vườn vắng mẹ cuốc cày sớm hôm.

| CHT | HT | HTT |
|--------------------|------------------------------------|---|
| Không trả lời được | Bốn câu thơ trên cho ta biết mẹ ốm | - Bốn câu thơ trên không những cho ta biết mẹ ốm mà còn cho biết thói quen và công việc hàng ngày của mẹ. - Bốn câu thơ trên cho ta biết mẹ ốm, thói quen và công việc hàng ngày của mẹ, đồng thời cho ta biết nỗi buồn của tác giả khi mẹ ốm. |

9) Chỉ báo viết đoạn, bài/ viết sáng tạo (Lớp 4, 5)

Đánh giá bằng bảng sau (Dùng cho cả giáo viên và cho học sinh tự đánh giá) :

| | CHT | HT | HTT |
|--|------------|-----------|------------|
| Tập trung tả đối tượng cần tả | | | |
| Viết được khoảng 15 câu | | | |
| Có nhiều chi tiết, hình ảnh | | | |
| Có sử dụng chi tiết miêu tả thú vị làm cho người đọc thích | | | |
| Sử dụng từ đúng, hay | | | |
| Viết câu không sai ngữ pháp | | | |

| | | | |
|--|--|--|--|
| Đã chú ý viết đúng chính tả, bài viết sạch, dễ đọc | | | |
|--|--|--|--|

Nhận xét:...

Xếp loại:....

Cụ thể, với đề tập làm văn lớp 4 *Đặt mình vào vai một loài hoa em yêu thích, viết bài văn giới thiệu về vẻ đẹp của mình, có thể xây dựng rubric để vừa chỉ dẫn cho học sinh viết, vừa giúp các em tự đánh giá như sau:*

| Nội dung đánh giá | | Mức điểm | | |
|------------------------------|----------|---|---|--|
| | | 1 điểm | 0,5 điểm | 0 điểm |
| Nội dung mở bài (1,0 điểm) | | - Giới thiệu được bản thân (tên loài hoa mình sẽ sắm vai) - Có ý nêu / đánh giá một đặc điểm nổi bật của loài hoa mình sắm vai | Giới thiệu được bản thân (tên loài hoa mình sắm vai.) | Không có câu giới thiệu hoặc không đặt mình vào vai hoa để viết. |
| Nội dung thân bài (3,5 điểm) | (1 điểm) | -Miêu tả được các bộ phận quan trọng của cây hoa (thân, lá, đài hoa, cánh hoa, nhị hoa). - Các chi tiết miêu tả thể hiện đặc trưng của loài hoa được chọn. | Miêu tả được các bộ phận quan trọng của cây hoa nhưng không tập trung vào những chi tiết thể hiện đặc trưng của loài hoa được chọn. | Miêu tả thiếu một vài bộ phận quan trọng của cây hoa. Hoặc Miêu tả không theo suy nghĩ, cảm nhận của mình, có nhiều câu chép lại nguyên văn của người khác |

| | | | |
|-----------------------------|---|--|--|
| (1 điểm) | -Mỗi bộ phận được miêu tả một cách chi tiết: hình dáng, màu sắc, mùi hương thơm ...hoặc một vài nét hấp dẫn (tùy vào sự quan sát bằng nhiều giác quan) | -Các chi tiết miêu tả mỗi bộ phận chưa được phong phú, chưa thể hiện sự quan sát bằng nhiều giác quan | -Liệt kê các bộ phận mà chưa có miêu tả chi tiết Hoặc -Các chi tiết miêu tả chưa dựa trên sự quan sát, tưởng tượng của bản thân mà dựa vào ý của người khác. |
| (1 điểm) | Các chi tiết miêu tả được sắp xếp theo một trình tự hợp lí: - Tả từ bao quát đến cụ thể - Tả từng bộ phận của hoa theo trình tự không gian. - Tả hoa theo trình tự thời gian | Các chi tiết miêu tả được sắp xếp theo một trình tự hợp lí ở một phần của thân bài mà không phải là ở toàn bộ thân bài | Chi tiết miêu tả chưa thể hiện rõ sự sắp xếp hợp lí. |
| (0.5 điểm) | | Đạt một trong hai yêu cầu: -Có những câu văn nêu tác dụng và ý nghĩa của loài hoa mình sắm vai -Thể hiện được niềm tự hào và hãnh diện của bản thân trong miêu tả. | Không đạt hai yêu cầu đã nêu |
| Nội dung kết bài (0.5 điểm) | | Có phần kết bài viết bằng một hoặc vài câu với nội dung nêu | Không có phần kết bài. |

| | | | |
|---|---|--|---|
| | | <i>một hoặc một vài ý sau: sự đánh giá về giá trị của bản thân mình (cây hoa), mong muốn khác của mình (cây hoa).</i> | |
| Kỹ năng viết chữ, chính tả (1 điểm) | <ul style="list-style-type: none"> - Chữ viết đúng kiểu, đúng cỡ, rõ ràng. - Có từ 0-2 lỗi chính tả. | <ul style="list-style-type: none"> - Chữ viết tương đối đúng kiểu, đúng cỡ, rõ ràng. Hoặc - Có từ 3-5 lỗi chính tả. | <ul style="list-style-type: none"> - Chữ viết không đúng kiểu, cỡ, không rõ ràng. Hoặc - Có trên 5 lỗi chính tả. |
| Kỹ năng dùng từ, đặt câu (1 điểm) | -Có từ 0-2 lỗi dùng từ, đặt câu | - Có từ 3-5 lỗi dùng từ, đặt câu | - Có hơn 5 lỗi dùng từ, đặt câu |
| Sáng tạo (1điểm): về ý hoặc về dùng từ, đặt câu, tạo hình ảnh, thể hiện cảm xúc | <p>Bài văn đạt 2 trong 4 yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý độc đáo - Miêu tả có hình ảnh - Cách dùng từ và đặt câu thể hiện được cảm xúc. - Nhập vai tự nhiên, cuốn hút. | Bài văn đạt 1 trong 4 yêu cầu đã nêu. | Bài văn không đạt yêu cầu nào đã nêu. |

2. Giáo viên phải có khả năng tạo các mẫu Tiếng Việt theo các tiêu chí, chỉ báo đã xác định

Trong dạy học có một nguyên tắc bắt buộc phải tuân thủ là giáo viên không được yêu cầu học sinh làm cái gì mà chính bản thân mình không làm được. Điều này đòi hỏi thầy giáo phải có khả năng tạo được những sản phẩm giao tiếp bằng ngôn ngữ mà mình muốn có ở học sinh. Như vậy thầy giáo phải có kỹ năng thị phạm nghĩa là phải có những kỹ năng Tiếng Việt thành thạo. Thầy giáo không thể

hình thành ở học sinh những kĩ năng gì bản thân mình không có bởi không thể gặt hái được những gì mà bản thân ta không có khả năng gieo trồng.

Trên thực tế vẫn có những giáo viên cho rằng mình không cần tạo mẫu mà có thể lấy những mẫu có sẵn: trong giờ tập viết, họ chỉ cho học sinh xem những mẫu chữ đã được in sẵn (chứ không phải do thầy tự viết ra) , trong giờ tập làm văn, họ cho học sinh đọc bài văn mẫu có sẵn. Như vậy cả thầy giáo và học sinh chỉ được thấy kết quả cuối cùng mà không biết quá trình tạo ra mẫu như thế nào và bằng cách nào. Vì thế, học sinh không học được phương pháp làm việc.

Để có khả năng tạo mẫu, trước hết giáo viên cần phải có lòng ham muốn đọc, nói, viết đúng và hay, phải có ý thức tự điều chỉnh mình để đọc, nói, viết đúng hơn, hay hơn. Giáo viên cần có ý thức trau chuốt giọng đọc, câu văn của mình bởi họ sẽ là những người thầy đầu tiên đặt nền móng, trang bị cho trẻ em ý thức về chuẩn ngôn ngữ và chuẩn văn hóa của lời. Họ có nhiệm vụ đem đến cho học sinh mẫu hình đẹp nhất của tiếng nói dân tộc.

Tiếp đó, khi soạn bài, giáo viên cần phải xác định những kĩ năng tiếng Việt cần có và luyện tập cho thành thục những kĩ năng này. Trước giờ lên lớp, giáo viên phải làm những gì mà học sinh sẽ làm trong giờ học : phải viết trong vở tập viết khi soạn bài giờ tập viết, phải viết chính tả trên giấy kẻ ô li bài chính tả học sinh sẽ viết, tập đọc thành tiếng, giải nghĩa từ, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài tập đọc, giải các bài tập luyện từ và câu, tập kể lại câu chuyện trước giờ kể chuyện, viết bài văn mẫu cho một giờ tập làm văn.

Như vậy trước giờ dạy, thầy giáo phải tạo được các mẫu tiếng Việt một cách chắc chắn, nghĩa là với nhiều lần làm mẫu khác nhau, thầy giáo đều tạo ra được một mẫu không đổi.

3. Giáo viên phải xác định được những sai lạc (lỗi) của HS so với mẫu (kết quả mong đợi)

Những sai lạc này cần được phát hiện trong quá trình dạy học nhưng đã được dự tính trước giờ dạy.

Giáo viên cần biết trước học sinh có thể thực hiện được những nhiệm vụ nào và cái gì là khó đối với các em để điều chỉnh hoạt động dạy học cho phù hợp. Đặc biệt giáo viên cần dự tính được học sinh sẽ có những sai phạm gì. Ví dụ, nhờ

nắm vững đặc điểm phương ngữ của học sinh nên giáo viên dự tính được những từ ngữ các em sẽ phát âm sai do phương ngữ lệch với chuẩn chữ viết, từ đó mà định ra được cần phải luyện cho các em phát âm những từ ngữ nào, hoặc trong giờ luyện đọc, nhờ biết rõ áp lực của nhạc, tính cân đối của nhịp chi phối cách đọc tự nhiên của trẻ em nên thầy giáo dự tính được những chỗ có sự vênh nhau giữa nhạc và ý, chỗ cần luyện ngắt giọng cho học sinh; nhờ biết rõ học sinh nhỏ dễ nhận ra các yếu tố mà khó xác định các quan hệ trước sau, trên dưới của các yếu tố trong không gian nên thầy giáo đã phòng ngừa việc đọc, viết lẫn b/d, p/q, “khỏe”, “khéo”, nhờ những kinh nghiệm làm việc với trẻ em mà thầy biết trước học sinh hay dùng sai những từ nào, lẫn phong cách hội thoại và phong cách viết ra sao.

4. Giáo viên phải có thủ thuật dạy học để chuyển những sản phẩm lời nói lệch lạc, sai mẫu của học sinh về dạng đúng

Nhận ra các lỗi sử dụng tiếng Việt của học sinh là quan trọng nhưng như thế cũng chưa hẳn là đã điều chỉnh được chúng. Để làm được điều này, giáo viên cần có những thủ thuật chữa lỗi. Nếu không được chuẩn bị tốt, họ cũng chỉ có thể đưa ra cho học sinh những lời khuyên tốt bụng chung chung: “*Em đọc (nói, viết) chưa tốt, lần sau cố gắng đọc (nói, viết) tốt hơn*” không sai nhưng cũng chẳng đem lại cho học sinh lợi ích gì. Bởi nhận xét như thế thì chỉ nêu ra những mong mỏi, mơ ước mà chưa tập, rèn, luyện

Ví dụ, bảng trắc nghiệm cho HS lớp 1 sau có thể dùng để đánh giá đồng thời dùng để chỉ dẫn thực hiện (GV hỏi, HS trả lời vì HS chưa biết đọc):

Để ngồi học đúng tư thế, chúng ta cần làm gì?

| Nội dung | Đ | S |
|---|---|---|
| 1. Lưng phải thẳng và luôn có điểm tựa. | | |
| 2. Đặt sách vở nằm trên mặt bàn. | | |
| 3. Hai chân vắt chéo lên nhau. | | |
| 4. Ánh sáng để cùng chiều với hướng nhìn. | | |
| 5. Lựa chọn bàn ghế phù hợp với lứa tuổi. | | |
| 6. Hai chân đặt thẳng trên mặt đất. | | |

Ví dụ khác, một cô giáo thấy học sinh đọc quá nhỏ cũng chỉ khuyên lần sau đọc to hơn mà không phát hiện ra em học sinh này đã đọc với một âm vực thấp như nói nên không phát âm to được. Lúc này, lẽ ra giáo viên cần phải làm mẫu về cao độ để học sinh biết nâng giọng đọc lên tạo ra giọng đọc cao và vang.

Để chữa lỗi, cần có kỹ năng phân loại các lỗi sử dụng Tiếng Việt của học sinh và xác lập các tổ hợp biện pháp phòng ngừa, sửa chữa các lỗi này.